TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ	*Phù Cừ, ngày 25 tháng 7 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đăng M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, TT T1, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 17 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/7/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Đăng M và chị Phan Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng M và chị Phan Thị M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thành Đ, sinh ngày 18/6/2013 cho anh M; giao các con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006 và Bùi Khánh T2, sinh ngày 28/02/2011 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với cháu T2, mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ tháng 7/2019 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, nếu anh M không thi hành theo thoả thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 478 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh M tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền anh M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 005817 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ; Anh M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND thị trấn T1
  (Số ĐKKH 40 ngày 27/12/2005);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Nguyễn Duy Phượng